

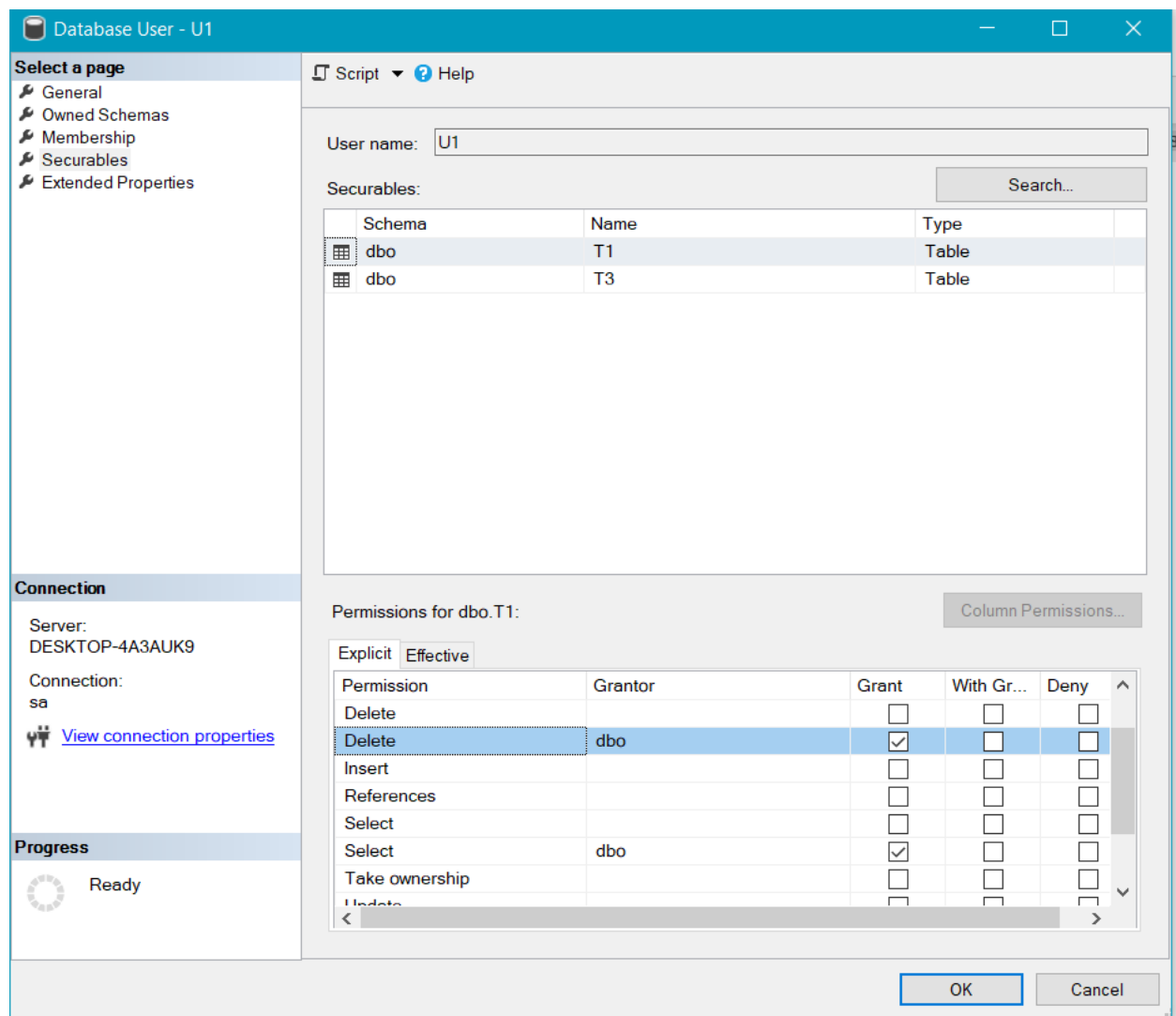
## 1. Tập làm các phát biểu grant, deny, revoke trên một CSDL gồm các table 1, T2, T3. . . đã biết.

Trả lời:

- **U1 có quyền select, delete trên T1, T3:**

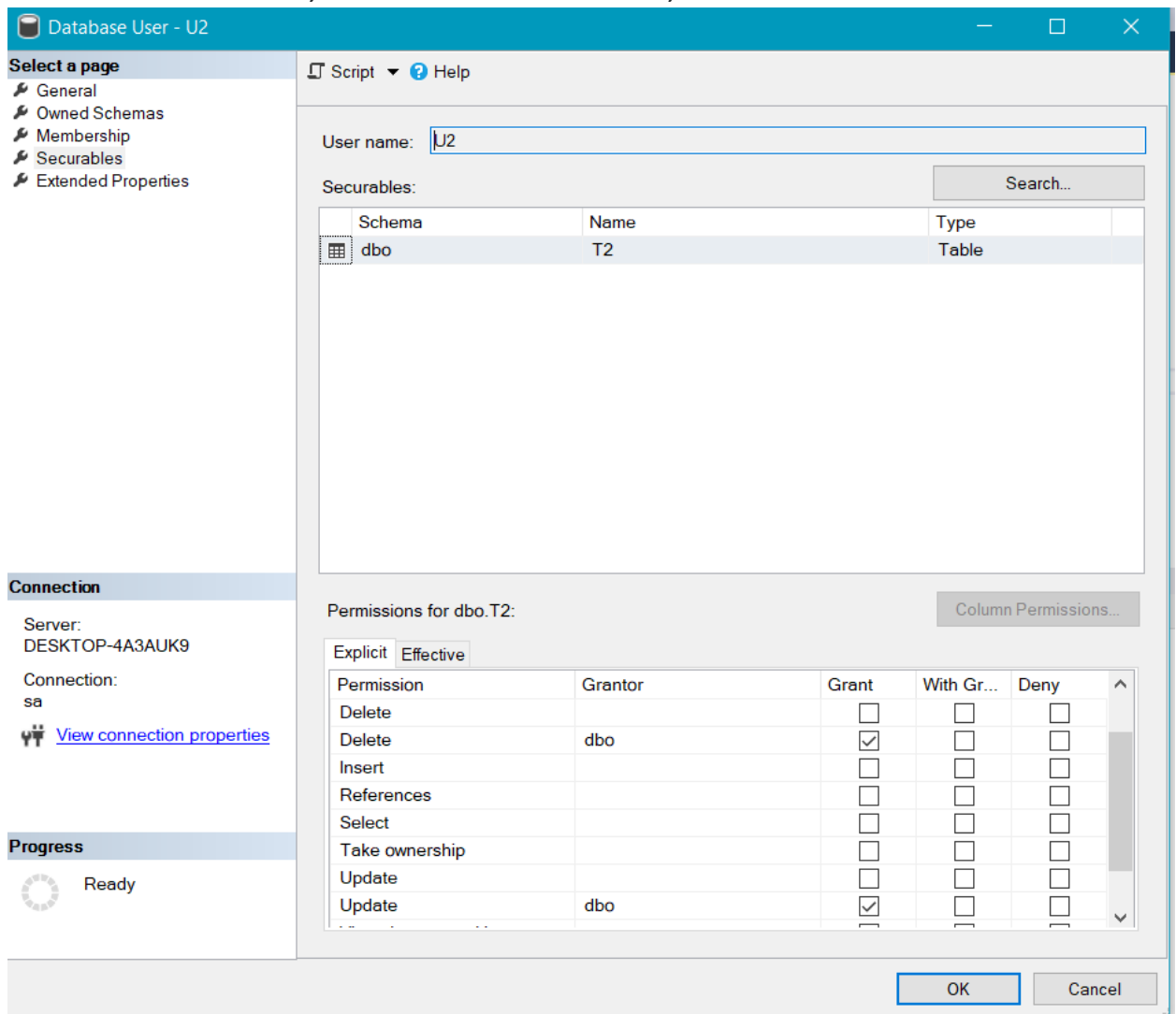
GRANT SELECT, DELETE ON T1 TO U1;

GRANT SELECT, DELETE ON T3 TO U1;

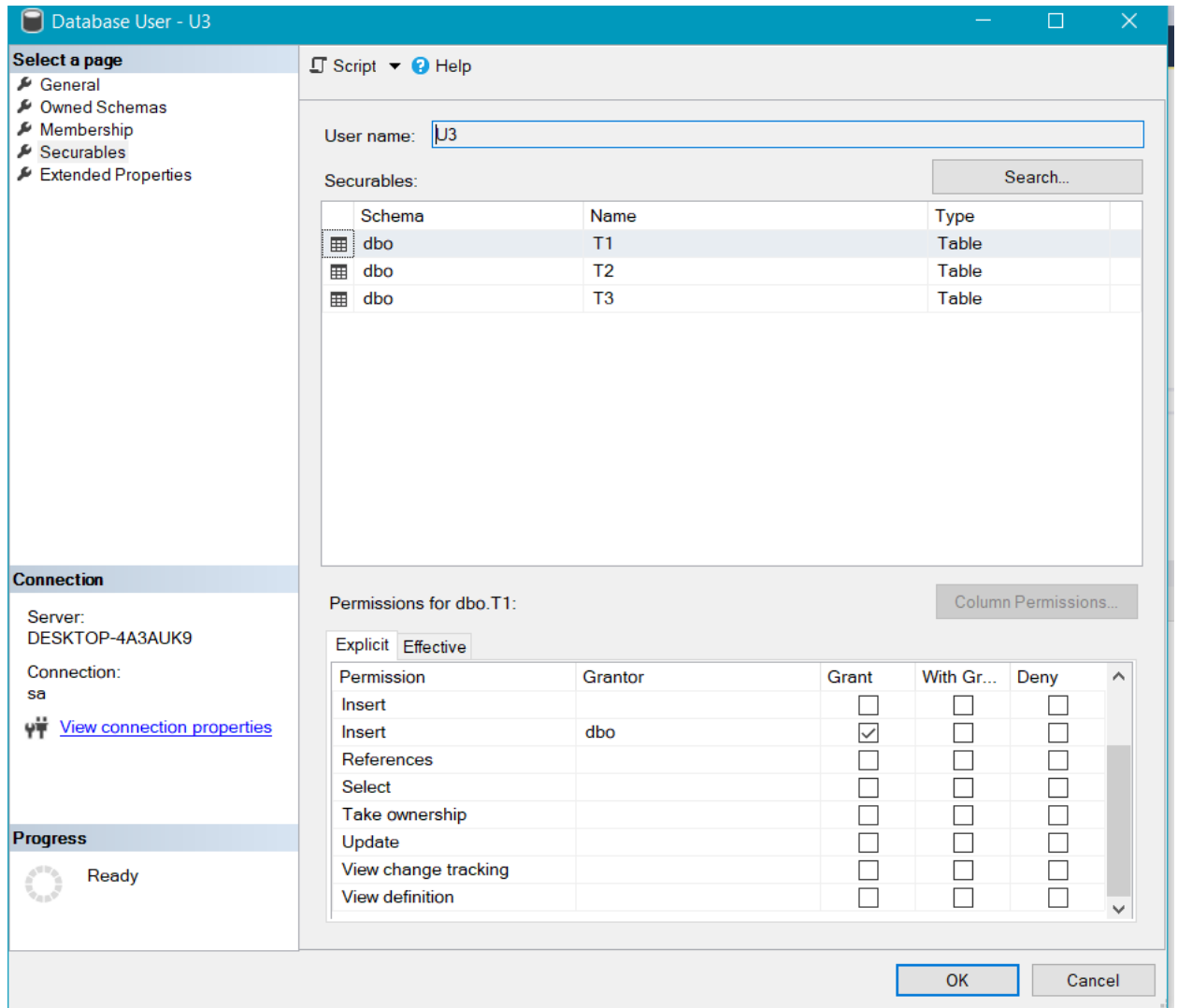


- **U2 có quyền update, delete trên T2**

## GRANT UPDATE, DELETE ON T2 TO U2;



- **U3 có quyền insert trên T1, T2, T3**
  - GRANT INSERT ON T1 TO U3;
  - GRANT INSERT ON T2 TO U3;
  - GRANT INSERT ON T3 TO U3;



- **U1 bị từ chối quyền insert trên T1, T2**
  - DENY INSERT ON T1 TO U1;
  - DENY INSERT ON T2 TO U1;

Database User - U1

Select a page

General

Owned Schemas

Membership

Securables

Extended Properties

Connection

Server:  
DESKTOP-4A3AUK9

Connection:  
U1

[View connection properties](#)

Progress

Ready

Script Help

User name: U1

Securables: Search...

	Schema	Name	Type
	dbo	T1	Table
	dbo	T2	Table
	dbo	T3	Table

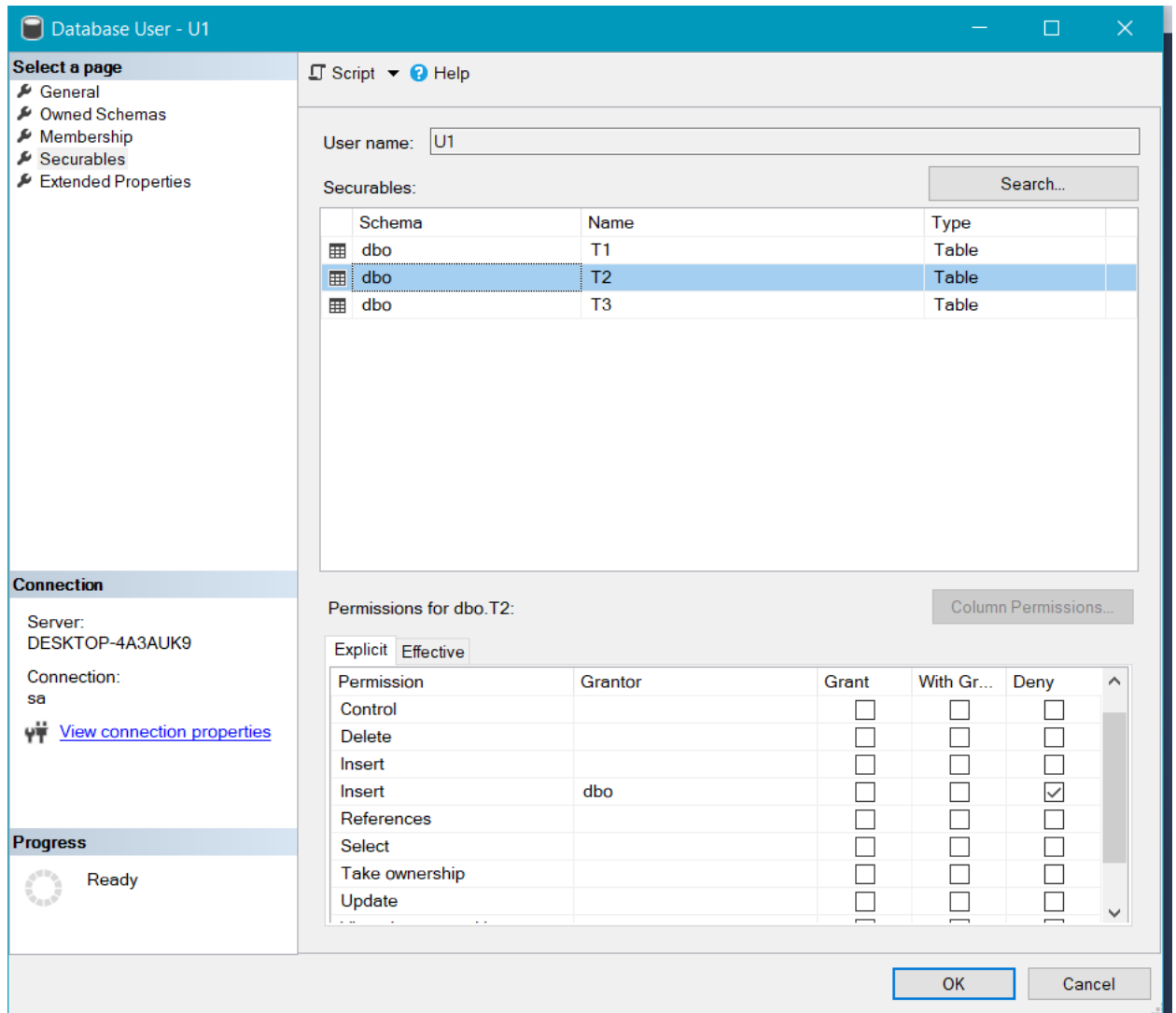
Permissions for dbo.T1: Column Permissions...

Explicit Effective

Permission	Grantor	Grant	With Gr...	Deny
Alter		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Control		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Delete		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Delete	dbo	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Insert		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Insert	dbo	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
References		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Select		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

OK

Cancel



## 2. Tìm hiểu các trường hợp không được cập nhật trên VIEW kèm vận dụng (ví dụ)

Trả lời:

- Thêm cột trong bảng gốc

```
-- Tạo view trước khi thêm cột mới Diachi
CREATE VIEW in_stock_products1 AS
SELECT * FROM products
-- In ra view in_stock_products để kiểm tra
select * from in_stock_products1

-- Thêm cột Diachi vào bảng gốc
ALTER TABLE Products
ADD Diachi VARCHAR(100);
```

100 %

Results Messages

	id	name	price	quantity	Description	SP	Diachi
1	1	Product 1	240	1	NULL	NULL	NULL
2	2	Product 2	360	1	NULL	NULL	NULL
3	3	Product 3	480	1	NULL	NULL	NULL

Tạo view lấy các sản phẩm có số lượng > 0

```
-- Tạo view trước khi thêm cột mới Diachi
CREATE VIEW in_stock_products1 AS
SELECT * FROM products
-- In ra view in_stock_products để kiểm tra
select * from in_stock_products1

-- Thêm cột Diachi vào bảng gốc
ALTER TABLE Products
ADD Diachi VARCHAR(100);
```

100 %

Results Messages

	id	name	price	quantity	Description
1	1	Product 1	240	1	NULL
2	2	Product 2	360	1	NULL
3	3	Product 3	480	1	NULL

=> Không cập nhật cột Diachi vừa tạo.

- Xoá cột trong bảng gốc

```
--  
CREATE VIEW in_stock_products1 AS  
--Tạo view trước khi thêm cột mới Diachi  
SELECT * FROM products  
-- In ra view in_stock_products để kiểm tra  
select * from in_stock_products1  
  
-- Xoa cột Description vào bảng gốc  
ALTER TABLE Products  
drop column description;
```

100 %

Results Messages

	id	name	price	quantity	SP	Diachi
1	1	Product 1	240	1	NULL	NULL
2	2	Product 2	360	1	NULL	NULL
3	3	Product 3	480	1	NULL	NULL

```
-- Tạo view trước khi thêm cột mới Diachi
CREATE VIEW in_stock_products1 AS
SELECT * FROM products
-- In ra view in_stock_products để kiểm tra
select * from in_stock_products1

-- Xóa cột Description vào bảng gốc
ALTER TABLE Products
drop column description;
```

%

Results Messages

id	name	price	quantity	Description
1	Product 1	240	1	NULL
2	Product 2	360	1	NULL
3	Product 3	480	1	NULL

=> Không cập nhật xóa cột Description

### 3. Tìm hiểu Backup/ Restore và trình bày các bước thực hiện trên hệ quản trị cơ sở dữ liệu cụ thể

#### Trả lời:

Dữ liệu bị mất mát là một vấn đề mà quản trị viên luôn cần quan tâm khi tạo dựng CSDL, Backup và Restore là hai cơ chế giúp quản trị viên giảm thiểu được rủi ro từ việc mất mát hoặc hư hỏng dữ liệu.

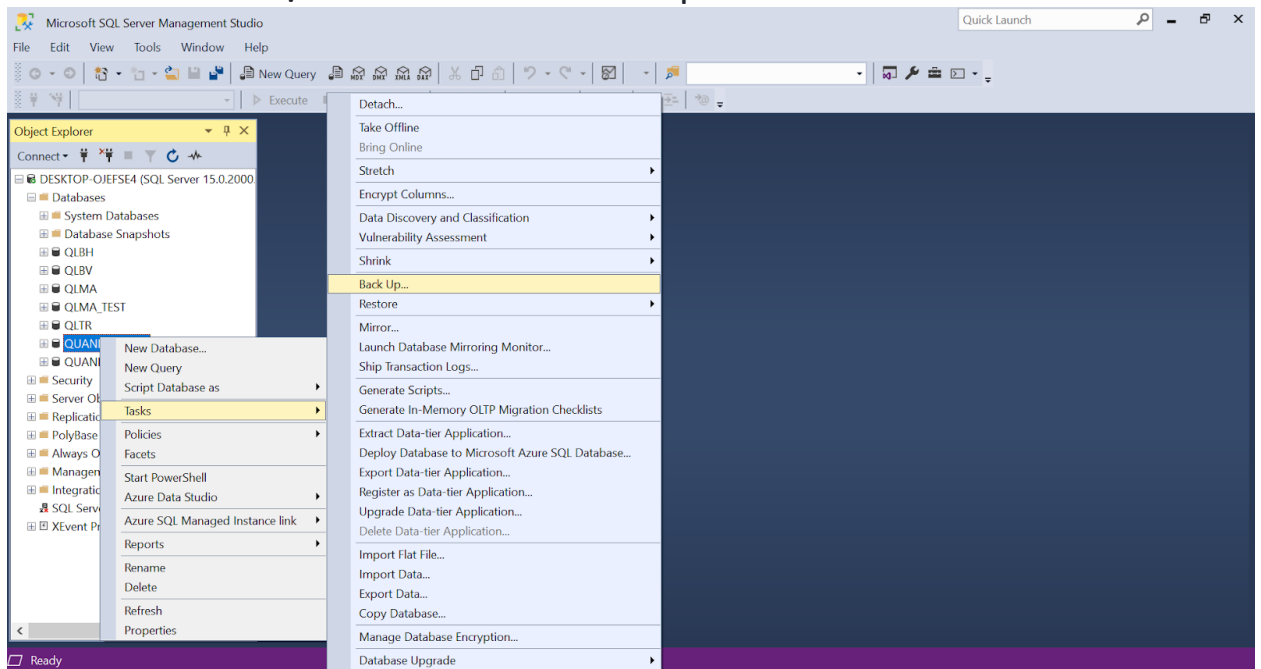
Trong quá trình thao tác, những lí do chủ quan trong việc sử dụng các câu lệnh Delete hoặc Update có thể dẫn đến mất mát dữ liệu. Ngoài ra virus và trộm cắp là những yếu tố khách quan gây nên sự không đầy đủ của dữ liệu.



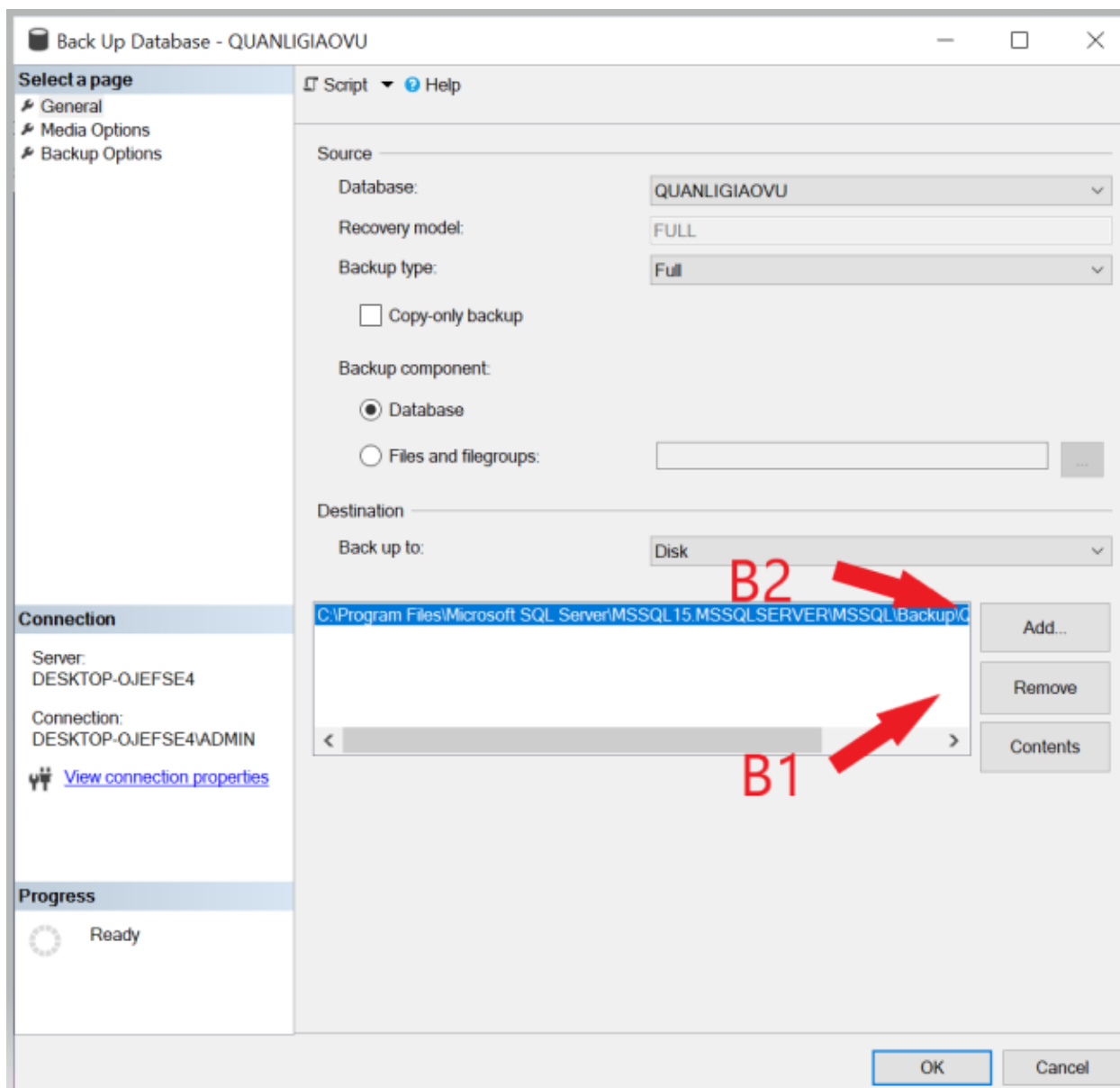
Microsoft SQL Server là một hệ quản trị cơ sở dữ liệu được sử dụng phổ biến, hệ quản trị này cung cấp công cụ giúp người dùng lưu trữ và phục hồi lại dữ liệu mất mát hoặc hư hỏng. Sau đây là hướng dẫn giúp người dùng sử dụng cơ chế Backup và Restore để đem lại hiệu quả trong công việc.

## Backup:

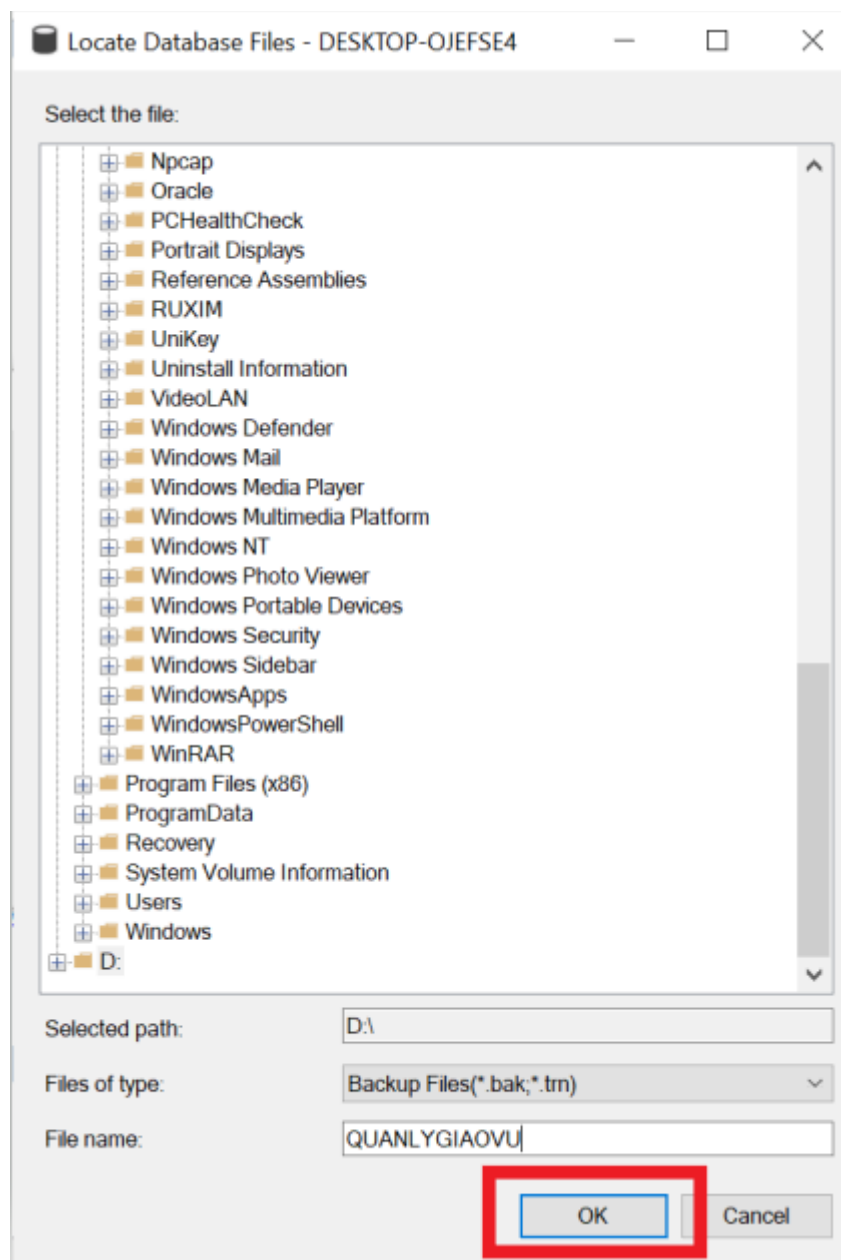
- Bước 1: Chọn Database cần backup.



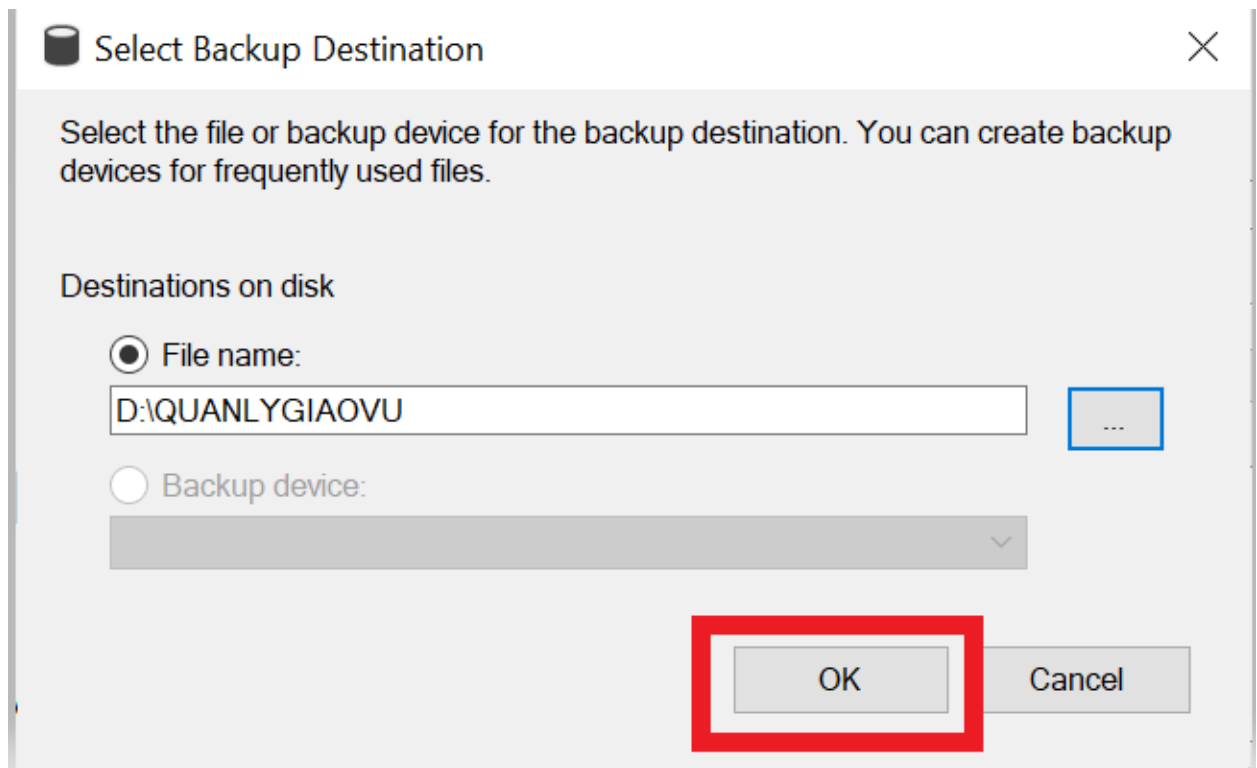
- Bước 2: Chọn Remove để xóa đường dẫn mặc định và chọn Add để chọn đường dẫn muốn lưu file Backup.

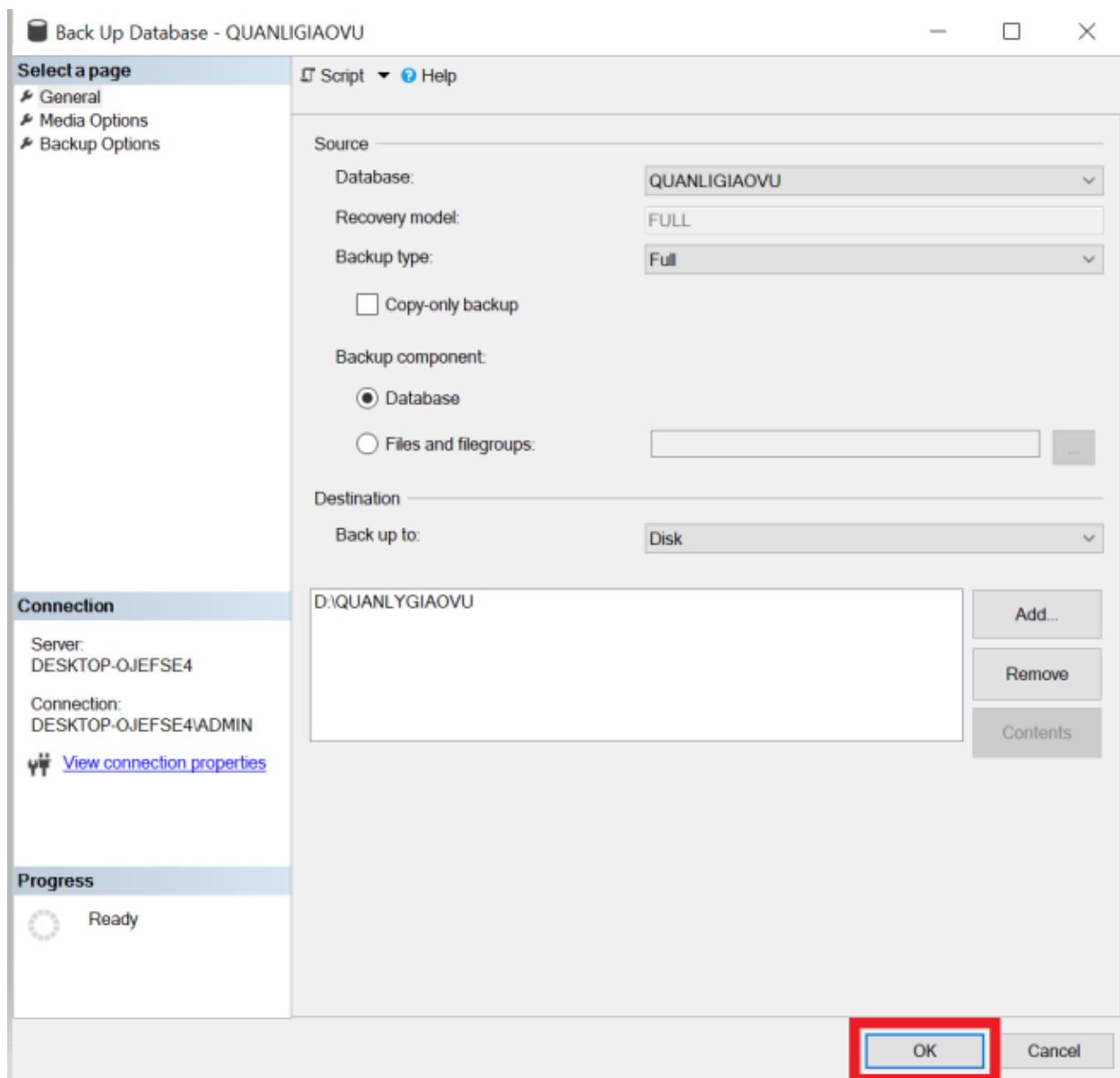


- Bước 3: Chọn đường dẫn để lưu File Backup

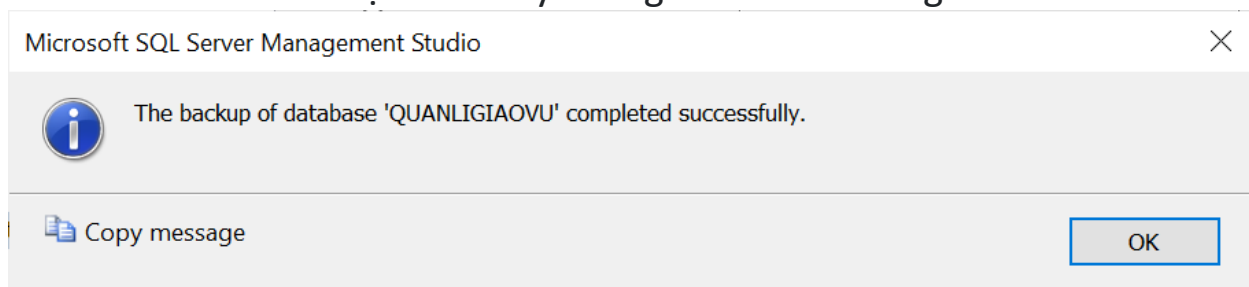


- Bước 4: Nhấn Ok



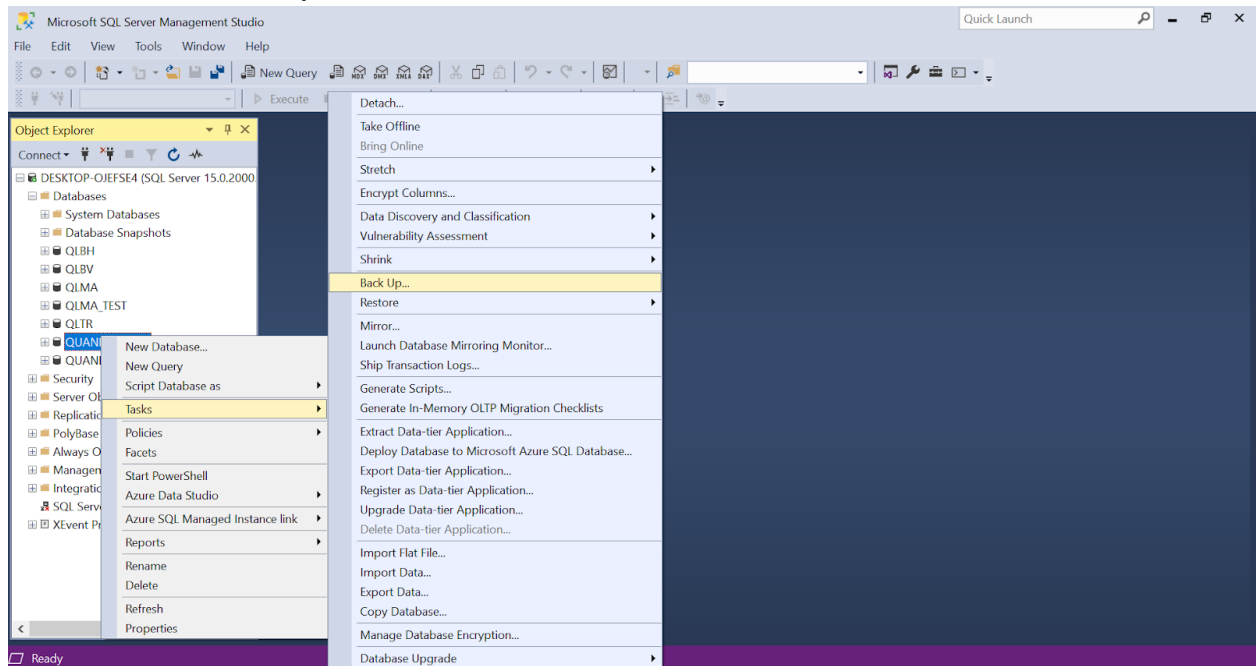


- Bước 5: Xác nhận khi thấy thông báo thành công

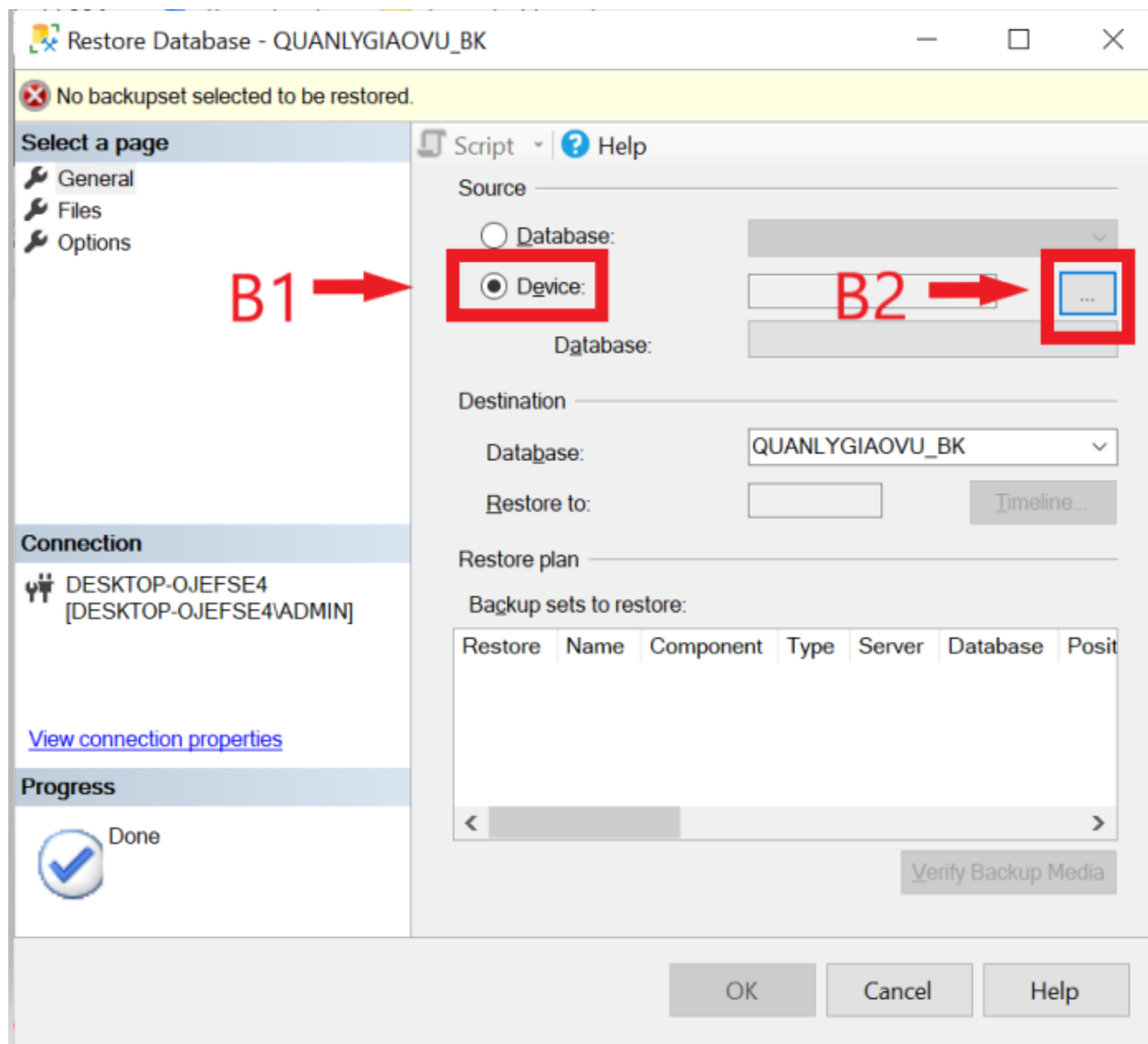


**Restore:**

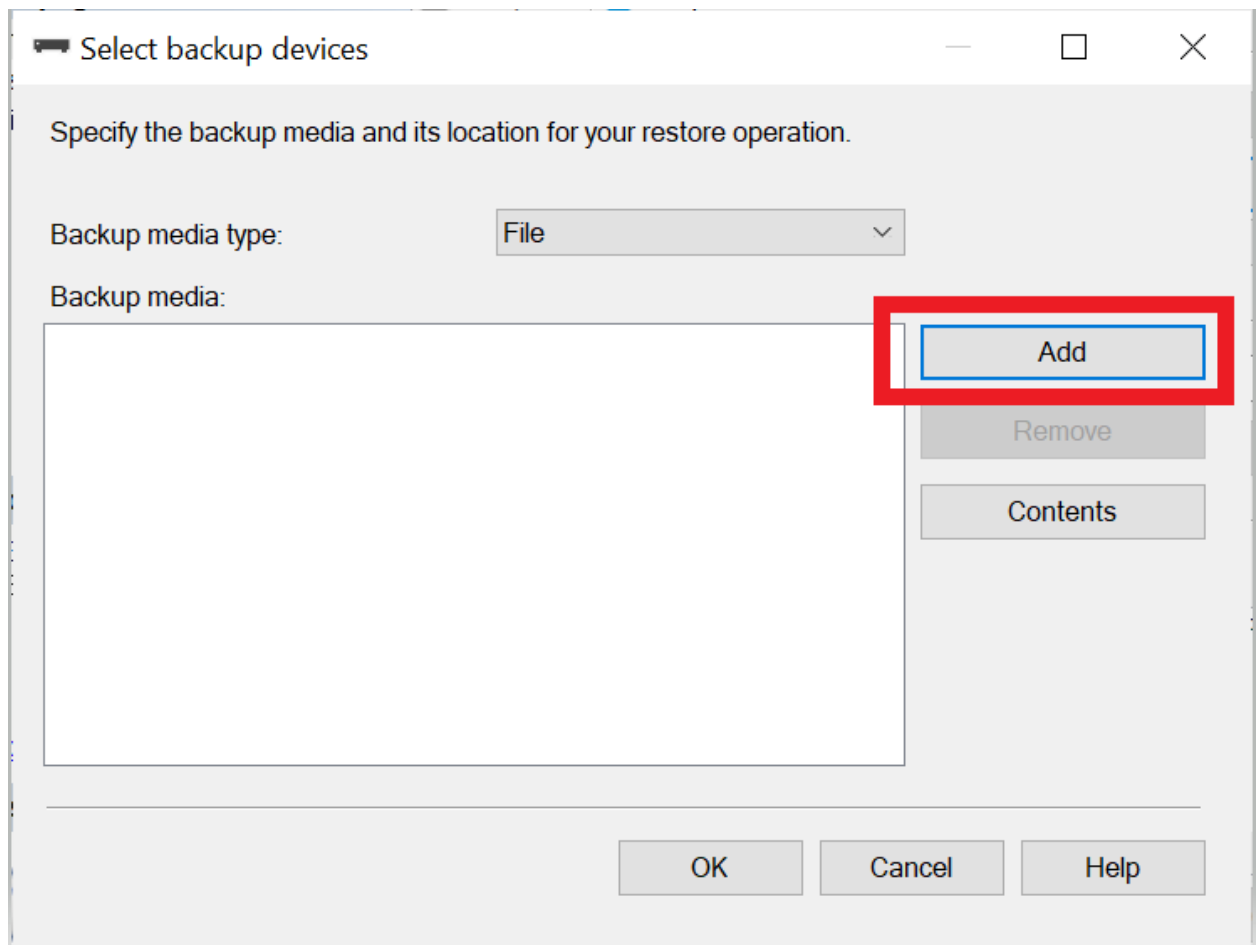
- Bước 1: Chọn Database cần Restore



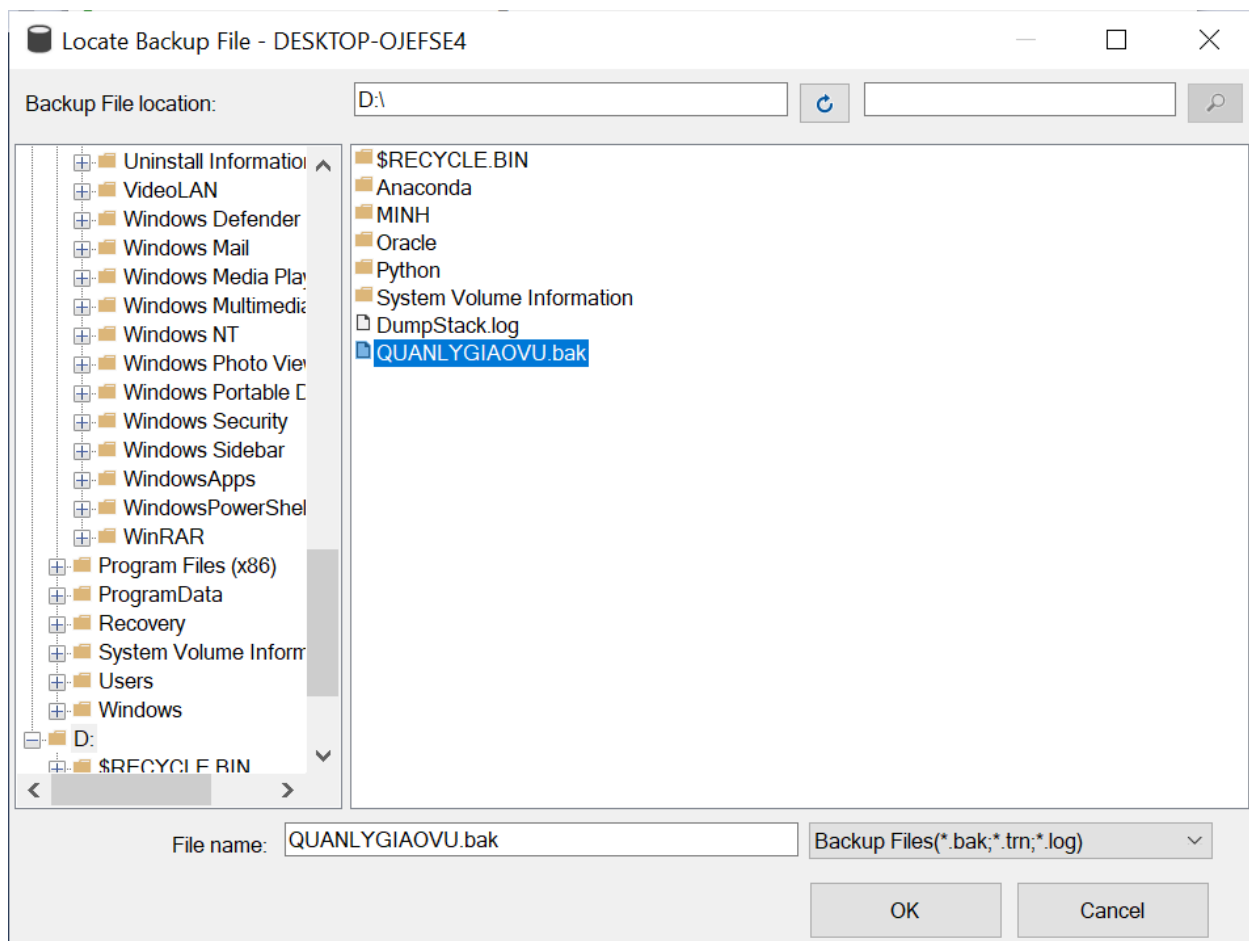
- Bước 2: Chọn Device -> Chọn biểu tượng ba chấm



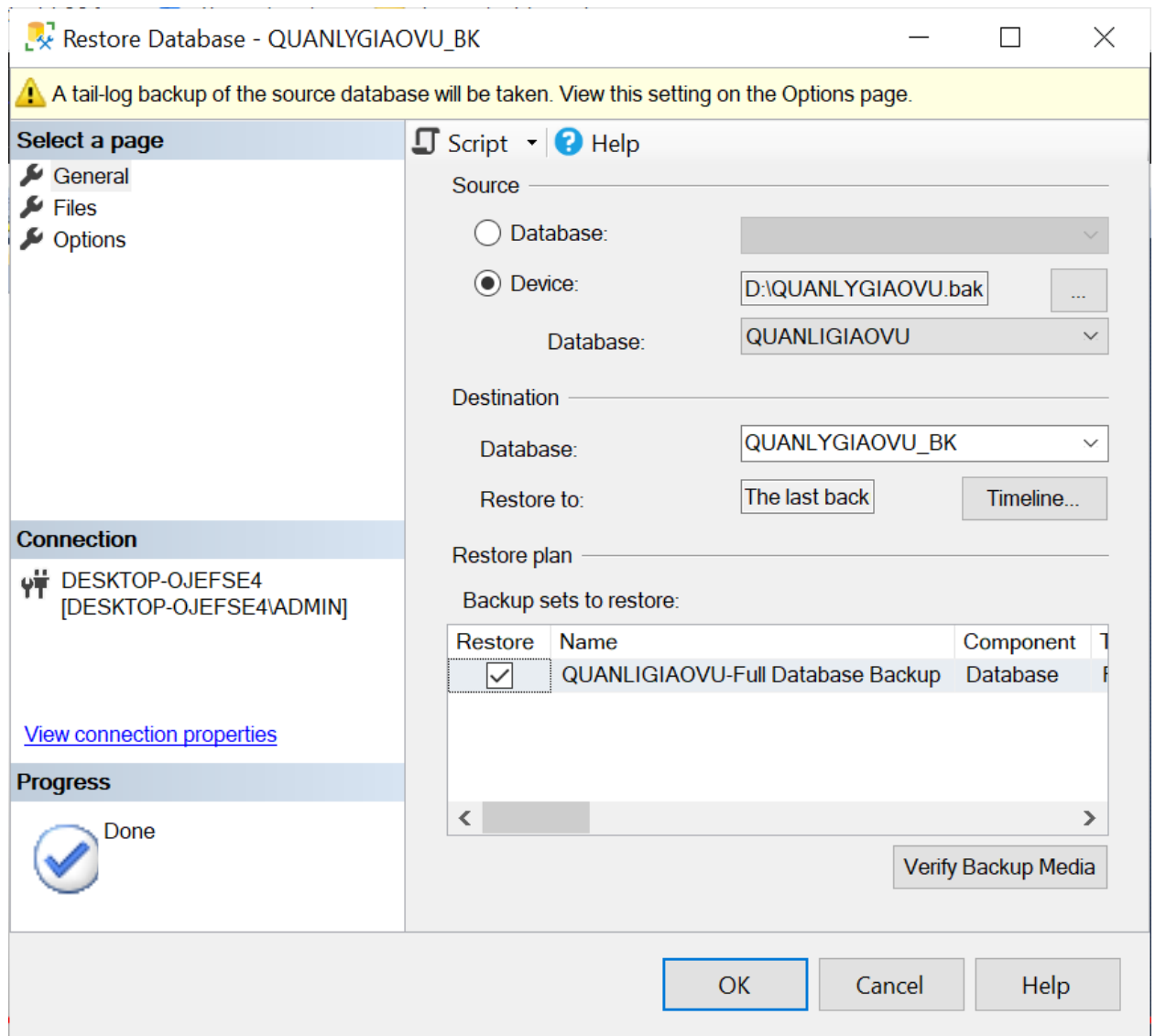
- Bước 3: Chọn Add để thêm thư mục muốn Restore







- Bước 4: Nhấn Ok để chuyển qua bước cuối



#### 4. Tìm hiểu Import/ Export và trình bày các bước thực hiện trên hệ quản trị cơ sở dữ liệu cụ thể

##### Trả lời:

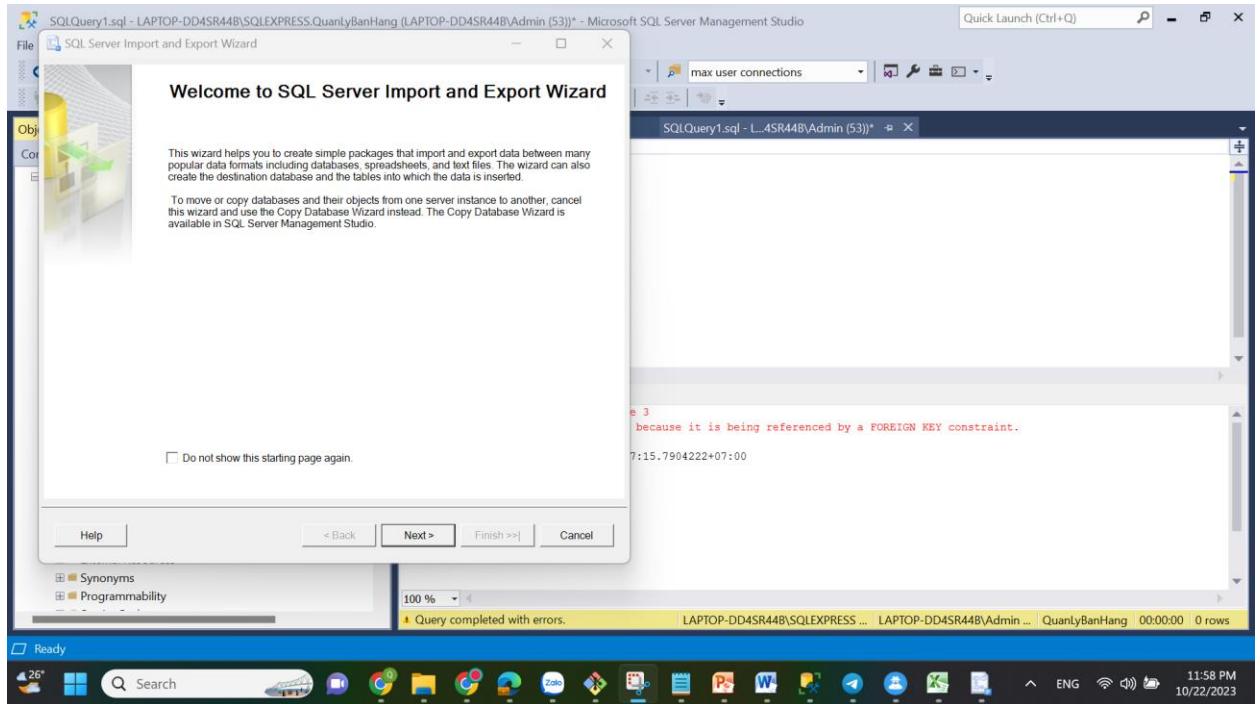
Import dữ liệu trong một hệ QTCSDL: Là sao chép dữ liệu từ nguồn A tới đích B, trong đó B là một hệ QTCSDL.

Export dữ liệu trong một hệ QTCSDL: Là sao chép dữ liệu từ nguồn A tới đích B, trong đó A là một hệ QTCSDL

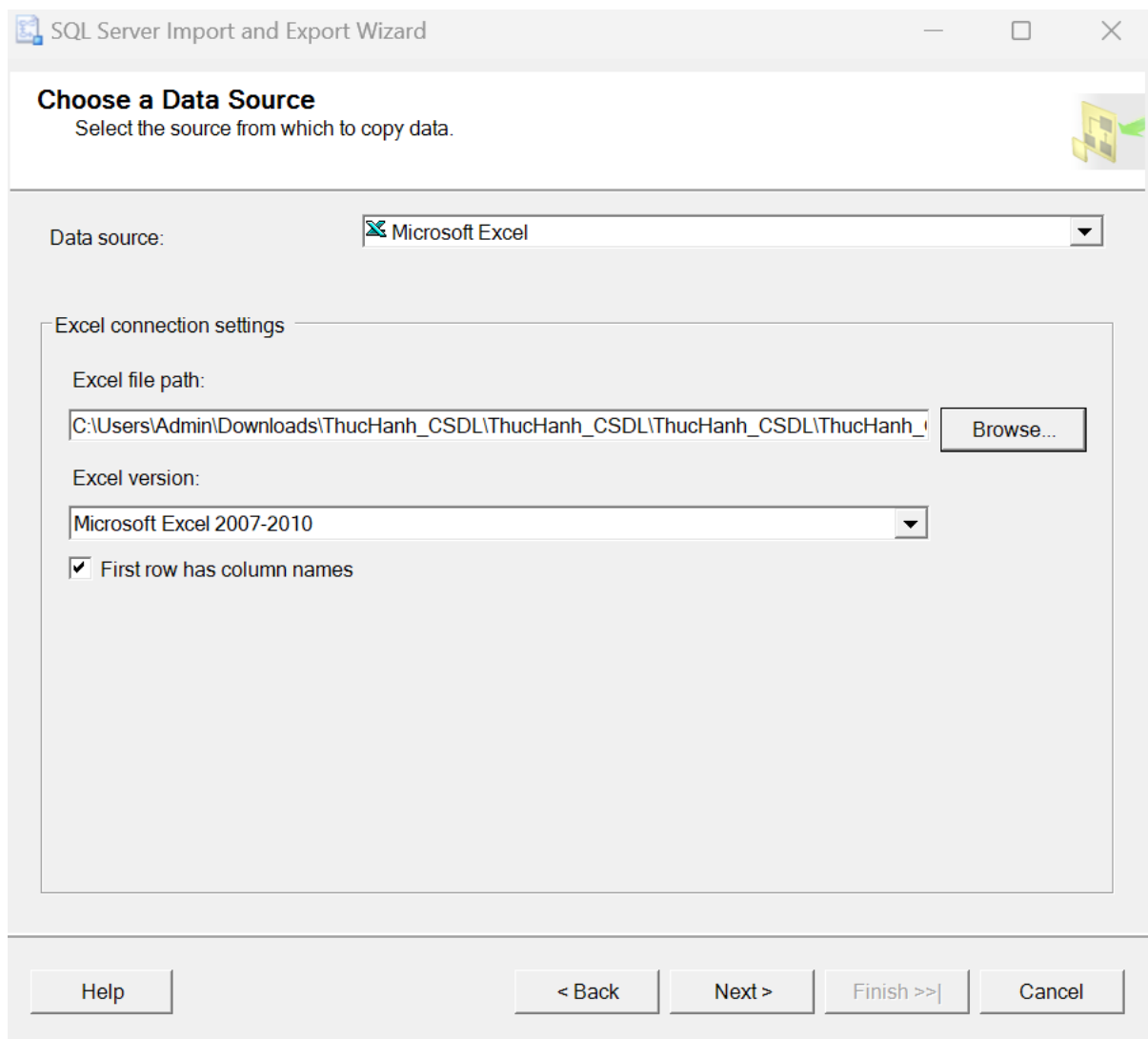
Trong đó, A và B có thể khác hệ quản trị.

### Các bước import dữ liệu từ file Excel sang SQL Server:

- Bước 1: Khởi động SSMS (SQL Server Management Studio)
- Bước 2: Khởi động công cụ Import Wizard



- Bước 3: Thiết lập nguồn dữ liệu Excel



The screenshot shows the 'SQL Server Import and Export Wizard' window, specifically the 'Choose a Data Source' step. The window title is 'SQL Server Import and Export Wizard'. The main heading is 'Choose a Data Source' with the instruction 'Select the source from which to copy data.' Below this, the 'Data source:' dropdown menu is set to 'Microsoft Excel'. The 'Excel connection settings' section contains the following fields: 'Excel file path:' with a text box containing 'C:\Users\Admin\Downloads\ThucHanh\_CSDL\ThucHanh\_CSDL\ThucHanh\_CSDL\ThucHanh\_' and a 'Browse...' button; 'Excel version:' with a dropdown menu set to 'Microsoft Excel 2007-2010'; and a checked checkbox labeled 'First row has column names'. At the bottom of the wizard, there are five buttons: 'Help', '< Back', 'Next >', 'Finish >>', and 'Cancel'.

SQL Server Import and Export Wizard

**Choose a Data Source**  
Select the source from which to copy data.

Data source: Microsoft Excel

Excel connection settings

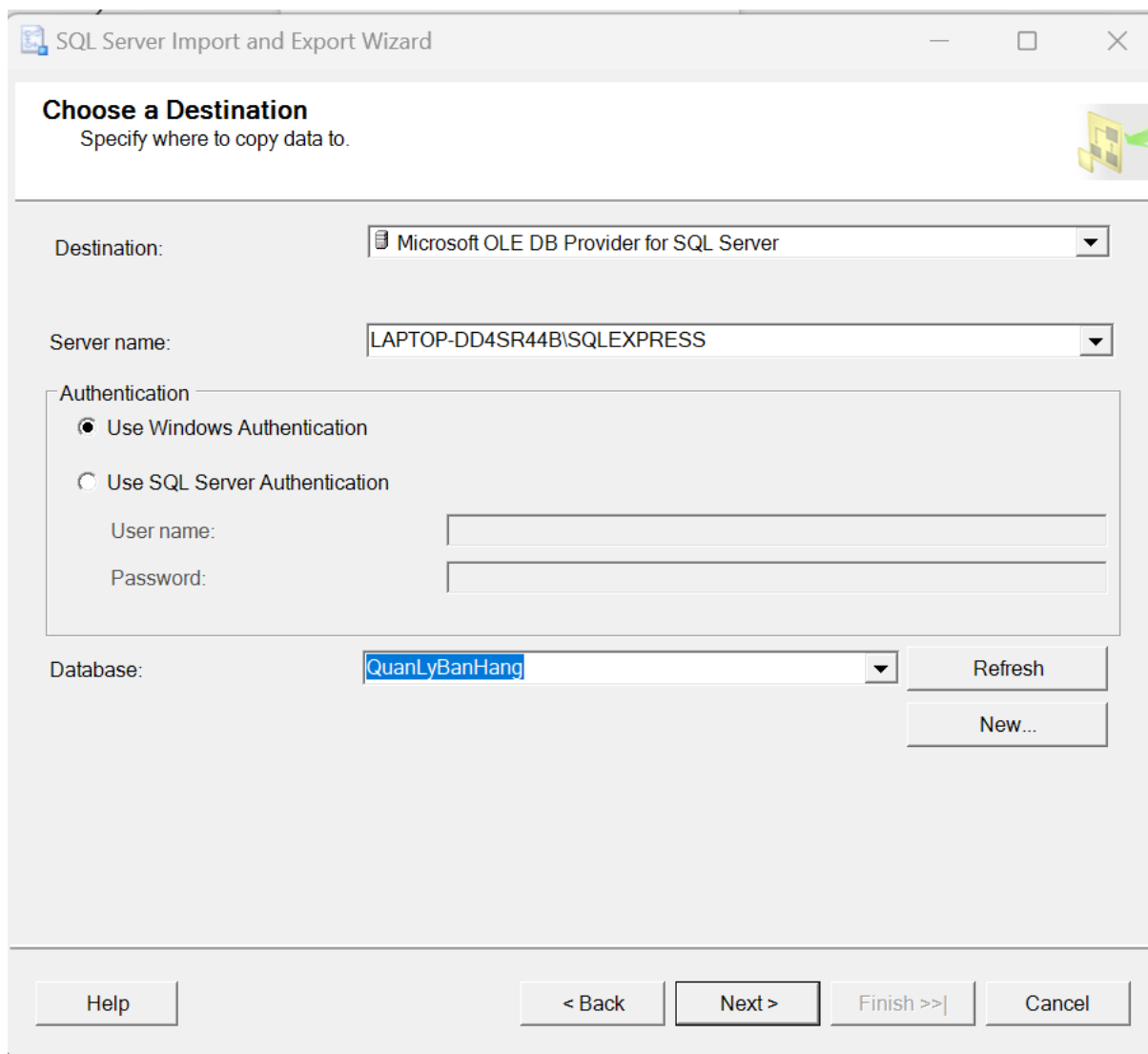
Excel file path:  
C:\Users\Admin\Downloads\ThucHanh\_CSDL\ThucHanh\_CSDL\ThucHanh\_CSDL\ThucHanh\_ Browse...

Excel version:  
Microsoft Excel 2007-2010

☒ First row has column names

Help < Back Next > Finish >> Cancel

- Bước 4: Chọn cơ sở dữ liệu đích



The screenshot shows the 'SQL Server Import and Export Wizard' window, specifically the 'Choose a Destination' step. The window title is 'SQL Server Import and Export Wizard'. The main heading is 'Choose a Destination' with the instruction 'Specify where to copy data to.' and a small icon of a folder with a green arrow. The 'Destination' dropdown is set to 'Microsoft OLE DB Provider for SQL Server'. The 'Server name' dropdown is set to 'LAPTOP-DD4SR44B\SQLEXPRESS'. Under the 'Authentication' section, 'Use Windows Authentication' is selected. Below this, there are empty text boxes for 'User name:' and 'Password:'. The 'Database' dropdown is set to 'QuanLyBanHang', with 'Refresh' and 'New...' buttons to its right. At the bottom, there are buttons for 'Help', '< Back', 'Next >', 'Finish >>|', and 'Cancel'.

SQL Server Import and Export Wizard

**Choose a Destination**  
Specify where to copy data to.

Destination: Microsoft OLE DB Provider for SQL Server

Server name: LAPTOP-DD4SR44B\SQLEXPRESS

Authentication

☒ Use Windows Authentication

☐ Use SQL Server Authentication

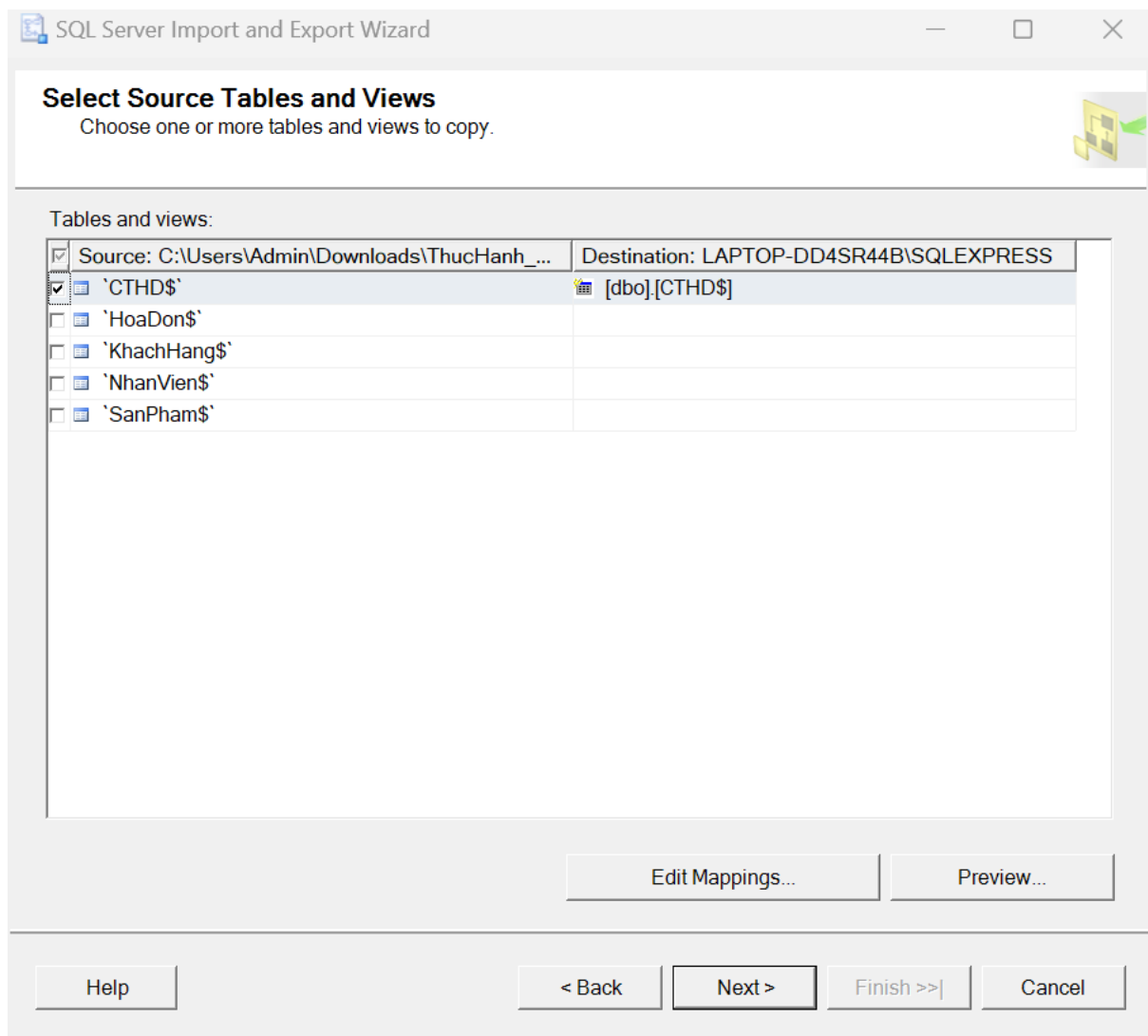
User name:

Password:

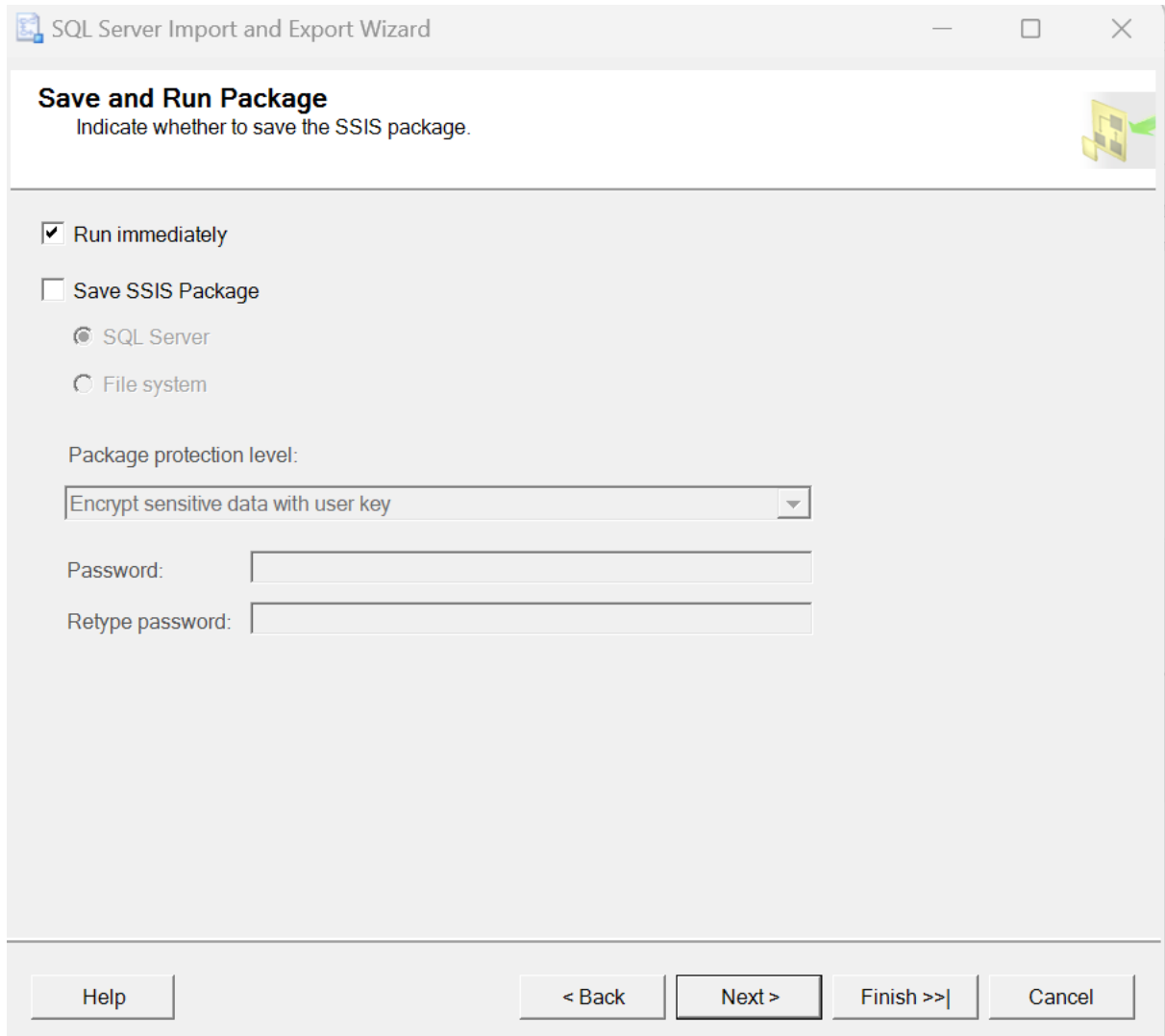
Database: QuanLyBanHang Refresh New...

Help < Back Next > Finish >>| Cancel

- Bước 5: Mappings và cài đặt



- Bước 6: Xác nhận và Run



The screenshot shows the 'Save and Run Package' step of the SQL Server Import and Export Wizard. The window title is 'SQL Server Import and Export Wizard'. The main heading is 'Save and Run Package' with the instruction 'Indicate whether to save the SSIS package.' and a small icon of a package with a green arrow. The options are as follows:

- ☒ Run immediately
- ☐ Save SSIS Package
  - ☒ SQL Server
  - ☐ File system

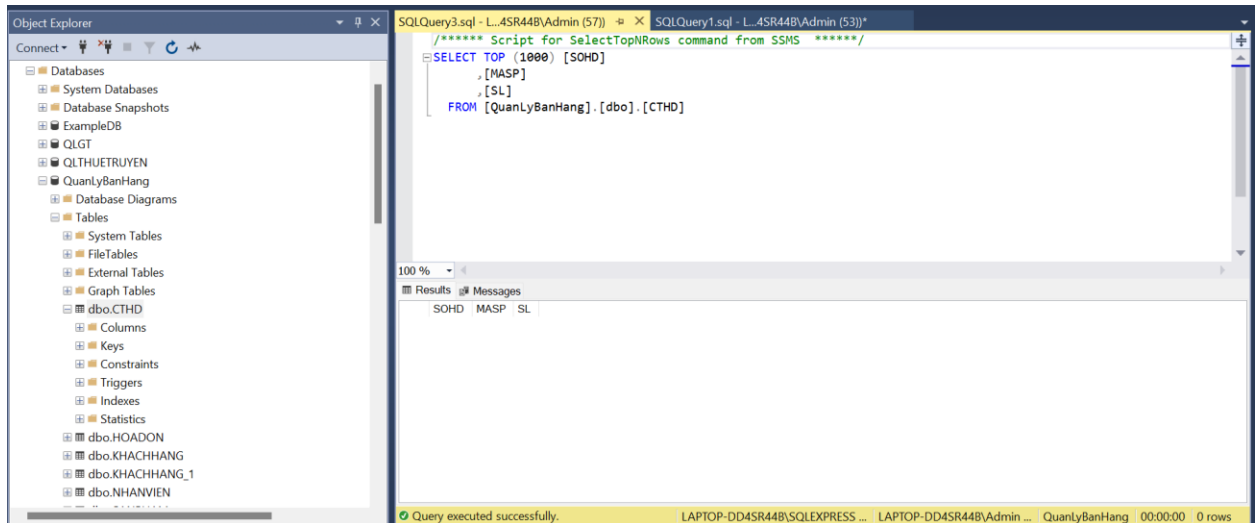
Package protection level: Encrypt sensitive data with user key ▼

Password:

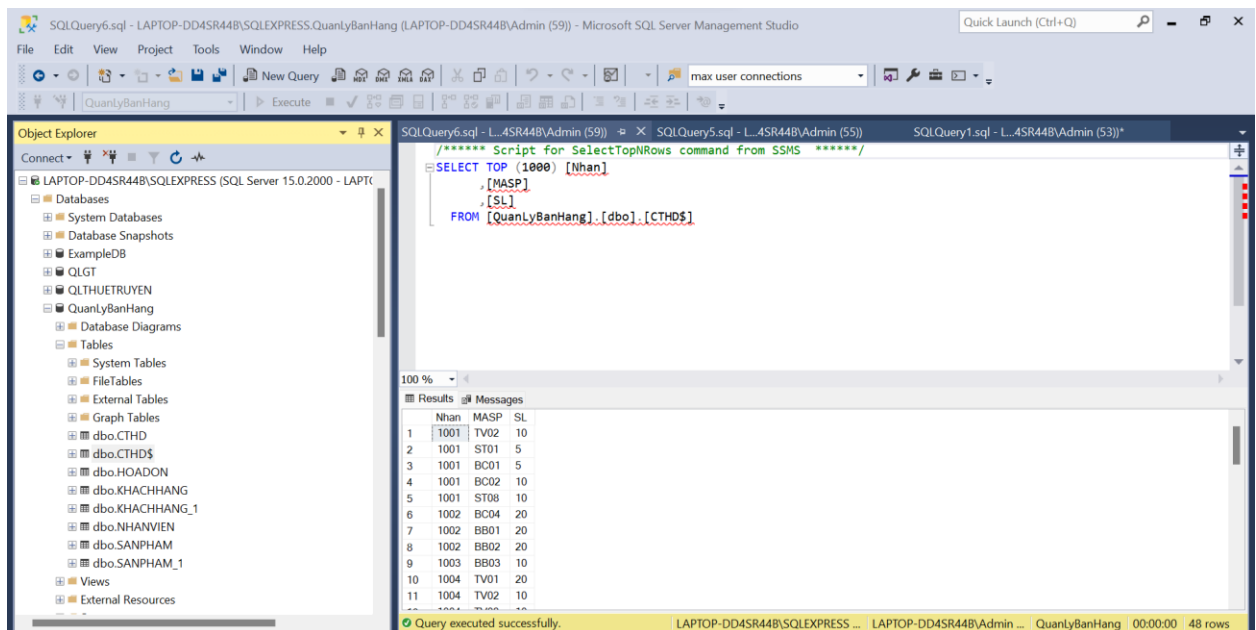
Retype password:

At the bottom, there are four buttons: 'Help', '< Back', 'Next >', and 'Cancel'.

- Bước 7: Kiểm tra kết quả và hoàn tất  
Bảng CTHD trước khi import dữ liệu:



## Bảng CTHD sau khi import dữ liệu:



## Các bước export dữ liệu từ SQL Server sang file Excel :

- Bước 1: Mở SQL Server Management Studio (SSMS)
- Bước 2: Chọn bảng hoặc câu truy vấn cần xuất:



The screenshot displays the Microsoft SQL Server Enterprise Manager interface. The left pane shows the 'Object Explorer' with the 'QuanLyChuyenBay' database selected. The right pane shows a SQL query window with the following script:

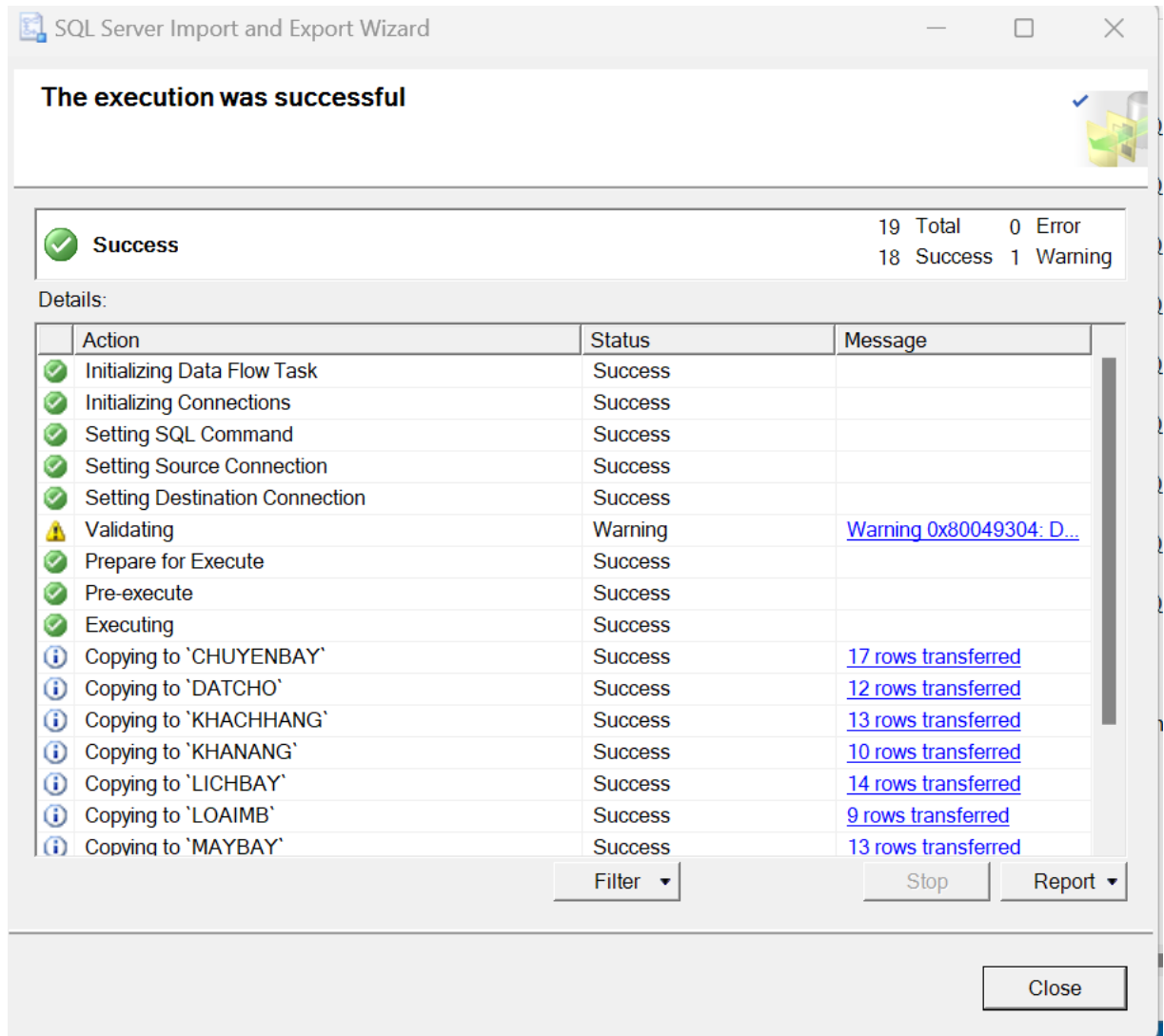
```
/****** Script for SelectTopNRows command from SSMS *****/  
SELECT TOP (1000) [MACB]  
    , [SBDI]  
    , [SBDEN]  
    , [GIODI]  
    , [GIODEN]  
FROM [QuanLyChuyenBay].[dbo].[CHUYENBAY]
```

The bottom pane shows the 'Results' tab with the following data:

	MACB	SBDI	SBDEN	GIODI	GIODEN
1	100	SLC	BOS	08:00:00.0000000	17:59:00.0000000
2	112	DCA	DEN	14:00:00.0000000	18:07:00.0000000
3	121	STL	SLC	07:00:00.0000000	09:13:00.0000000
4	122	STL	YYV	08:30:00.0000000	10:19:00.0000000
5	206	DFW	STL	09:00:00.0000000	11:40:00.0000000
6	330	JFK	YYV	16:00:00.0000000	18:53:00.0000000
7	334	ORD	MIA	12:00:00.0000000	14:14:00.0000000
8	335	MIA	ORD	15:00:00.0000000	17:14:00.0000000
9	336	ORD	MIA	18:00:00.0000000	20:14:00.0000000
10	337	MIA	ORD	20:30:00.0000000	23:53:00.0000000
11	394	DFW	MIA	19:00:00.0000000	21:30:00.0000000

The status bar at the bottom indicates 'Query executed successfully.' and '17 rows'.

- Bước 3: Xuất dữ liệu sang file Excel



- Bước 4: Kiểm tra tệp Excel

21522512 – Nguyễn Lê Tấn Quang  
IE103.O11 – Buổi 5

QuanLyChuyenBay.xlsx - Microsoft Excel (Product Activation Failed)

	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L	M	N	O	P	Q	R	S
1	MACB	SBDI	SBDEN	GIODI	GIODEN														
2	100	SLC	BOS	08:00:00.C	17:59:00.00000000														
3	112	DCA	DEN	14:00:00.C	18:07:00.00000000														
4	121	STL	SLC	07:00:00.C	09:13:00.00000000														
5	122	STL	YYV	08:30:00.C	10:19:00.00000000														
6	206	DFW	STL	09:00:00.C	11:40:00.00000000														
7	330	JFK	YYV	16:00:00.C	18:53:00.00000000														
8	334	ORD	MIA	12:00:00.C	14:14:00.00000000														
9	335	MIA	ORD	15:00:00.C	17:14:00.00000000														
10	336	ORD	MIA	18:00:00.C	20:14:00.00000000														
11	337	MIA	ORD	20:30:00.C	23:53:00.00000000														
12	394	DFW	MIA	19:00:00.C	21:30:00.00000000														
13	395	MIA	DFW	21:00:00.C	23:43:00.00000000														
14	449	CDG	DEN	10:00:00.C	19:29:00.00000000														
15	930	YYV	DCA	13:00:00.C	16:10:00.00000000														
16	931	DCA	YYV	17:00:00.C	18:10:00.00000000														
17	932	DCA	YYV	18:00:00.C	19:10:00.00000000														
18	991	BOS	ORD	17:00:00.C	18:22:00.00000000														
19																			
20																			
21																			
22																			
23																			
24																			

CHUYENBAY / KHACHHANG / KHANANG / DATCHO / LICHBAY / LOAIMB / MAYBAY / NHANVIEN / PHANCONG